

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/DS-ST

Ngày 21-11-2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quốc Hải.
2. Bà Hồ Thúy Vinh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Đợi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2019/TLST - DS ngày 23 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 10 năm 2019, và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐ ST - DS ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A; địa chỉ trụ sở: Số 02 L, quận B, Thành phố Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Công N, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh A chi nhánh Hướng Hóa Quảng Trị (văn bản ủy quyền số 397/UQ – NHNoHH ngày 18/10/2019), có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Ánh T, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn R xã X, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/8/2019 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A trình bày:

Vào ngày 29/06/2017, bà Trần Thị Ánh T ủy quyền cho bà Lê Trần Minh N2 (con gái bà T) theo giấy ủy quyền số 191267321/UQ ngày 29/6/2017 để xác lập thực hiện các giao dịch trong quan hệ cấp tín dụng và các giao dịch khác liên quan đến tiền vay tại Ngân hàng A - chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị. Thực hiện ủy quyền của chủ hộ là bà Trần Thị Ánh T, bà Lê Trần Minh N2 lập hồ sơ gửi đến ngân hàng gồm: giấy đề nghị vay vốn kèm theo dự án sản xuất của gia đình. A chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị và bà Lê Trần Minh N2 đã ký thỏa thuận cho vay theo hợp đồng tín dụng số: 3907 – LAV -201701680 ngày 29/6/2017. Số tiền vay là 255.000.000 đồng. (Kỳ hạn trả gốc: ngày 25/6/2018 trả 10.000.000 đồng, ngày 25/6/2019 trả 20.000.000 đồng, ngày 25/6/2020 trả 30.000.000 đồng, ngày 25/6/2021 trả 50.000.000 đồng, ngày 25/6/2022 trả 145.000.000 đồng; kỳ hạn trả lãi: 06 tháng 1 kỳ vào ngày 25 tính từ ngày 29/6/2017). Ngày 29/6/2017, lãi suất của hợp đồng vay là 10%/năm, điều chỉnh lãi suất 03 tháng kỳ và đã điều chỉnh 10,5%/năm vào ngày 30/9/2018. A chi nhánh huyện Hướng Hóa Quảng Trị đã thực hiện giải ngân tiền vay và chuyển vào tài khoản số 3907205093132 của bà Trần Thị Ánh T mở tại A chi nhánh huyện Hướng Hóa Quảng Trị.

Để đảm bảo khoản vay trên, bà Trần Thị Ánh T đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 152, tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL832609 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 191267321/HĐTC ký kết ngày 29/6/2017.

Đến kỳ hạn trả nợ ngày 25/6/2018, A Chi nhánh Hướng Hóa Quảng Trị đã nhiều lần thông báo đề nghị bà Trần Thị Ánh T trả nợ nhưng đến nay bà T vẫn không chấp hành trả nợ vay. Khoản nợ đã quá hạn từ ngày 26/6/2018 đến ngày 21/11/2019 đã quá hạn và phân loại nợ xấu theo Nghị Quyết 42/2017/QH14 của Quốc Hội. Tính đến hết ngày 21/11/2019, tổng số tiền bà Trần Thị Ánh T phải trả cho A chi nhánh Hướng Hóa Quảng Trị là 302.499.722 đồng (trong đó 255.000.000 đồng tiền gốc và 47.499.722 đồng tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn).

Vì vậy, yêu cầu Tòa án huyện Hướng Hóa giải quyết buộc bà Trần Thị Ánh T phải trả cho Ngân hàng số tiền là 302.499.722 đồng tạm tính đến ngày 21/7/2019 (trong đó 255.000.000 đồng tiền gốc và 47.499.722 đồng tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn) và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định của hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp bà Trần Thị Ánh T không trả được nợ vay thì sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực, A chi nhánh huyện Hướng Hóa Quảng Trị có quyền yêu cầu thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bà Trần Thị Ánh T theo hợp đồng thế chấp số: 191267321/HĐTC ký kết ngày 29/6/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản sao); Giấy ủy quyền số 191267321/UQ ngày 29/6/2017 (bản sao); Sổ hộ khẩu gia đình bà T (bản sao); Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của bà Trần Thị Ánh T

(bản sao); Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất(bản sao); Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo (bản sao); Hợp đồng tín dụng số 3907-LAV-201701680 ngày 29/6/2017 (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL832609 mang tên Trần Thị Ánh T (bản sao); Bảng kê tính lãi đến hết ngày 21/11/2019.

Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị Ánh T phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí trước đó.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Trần Thị Ánh T không có mặt theo văn bản tố tụng của Tòa án. Không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến tời điểm Hội đồng nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định về nhận đơn, ra thông báo thụ lý vụ án và gửi văn bản cho Viện kiểm sát và các đương sự đúng quy định tại điều 195, 196 BLTTDS. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại điều 96,97 BLTTDS; Về thời hạn chuẩn bị xét xử tuân thủ đúng quy định tại điều 203 BLTTDS.

Ngày 5/4/2019 và ngày 11/4/2019, Thẩm phán đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định tại các điều 205,207, 208,209, 211 BLTTDS nhưng đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết tranh chấp.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc xét xử được tiến hành công khai, công bằng. Bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện cơ bản đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Căn cứ điều 91 Luật các tổ chức tín dụng ; Điều 280, 299, 323, 463, 466 Bộ luật dân sự. Điều 19 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006 ngày 29/12/2006.

Căn cứ khoản 1 điều 147; khoản 1 điều 157 BLTTDS và khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị Ánh T phải thanh toán cho A chi nhánh Hướng Hóa toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày xét xử là: Số tiền gốc 255.000.000 đồng; tiền lãi 47.499.722 đồng, tổng cộng : 302.499.722 đồng.

Tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 21/11/2019 cho đến ngày bà Trần Thị Ánh T thực tế thanh toán hết nợ cho A chi nhánh Hướng Hóa. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì A chi nhánh Hướng Hóa có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 152, tờ bản đồ 03, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL832609 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 191267321/HĐTC ký kết ngày 29/6/2017.

Buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tài sản, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo Hợp đồng tín dụng thì bị đơn bà Trần Thị Ánh T vay tiền của Ngân hàng NN& PTNT Việt Nam nhằm mục đích sản xuất nông nghiệp, do đó đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn bà Trần Thị Ánh T đã được Tòa án thông báo hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy: Ngày 29/06/2017, theo ủy quyền số 191267321/UQ của bà Trần Thị Ánh T, chị Lê Trần Minh N2 (con gái bà T) đã xác lập thực hiện các giao dịch trong quan hệ cấp tín dụng và các giao dịch khác liên quan đến tiền vay tại A. A chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị và bà Lê Trần Minh N2 đã ký thỏa thuận cho vay theo hợp đồng tín dụng số:

3907 – LAV -201701680 ngày 29/6/2017. Số tiền vay là 255.000.000 đồng. (Kỳ hạn trả gốc: ngày 25/6/2018 trả 10.000.000 đồng, ngày 25/6/2019 trả 20.000.000 đồng, ngày 25/6/2020 trả 30.000.000 đồng, ngày 25/6/2021 trả 50.000.000 đồng, ngày 25/6/2022 trả 145.000.000 đồng; kỳ hạn trả lãi: 06 tháng 1 kỳ vào ngày 25 tính từ ngày 29/6/2017). Lãi suất 10% năm điều chỉnh lãi suất 3 tháng/kỳ, đến ngày 30/9/2018 điều chỉnh 10,5% /năm.

Ngày 29/6/2017, A chi nhánh Hướng Hóa Quảng Trị đã thực hiện giải ngân tiền vay và chuyển vào tài khoản số 3907205093132 của bà Trần Thị Ánh T mở tại A chi nhánh Hướng Hóa Quảng Trị.

Nhận thấy việc thỏa thuận hợp đồng này hoàn toàn do các bên tự nguyện xác lập, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, giao dịch này có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến kỳ hạn trả nợ ngày 25/6/2018, bà Trần Thị Ánh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 10 của hợp đồng tín dụng. Nên Ngân hàng NN &PTNT Việt Nam – Chi nhánh Hướng Hóa khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Ánh T phải trả nợ số tiền là 302.499.722 đồng tính đến ngày 21/7/2019 (trong đó 255.000.000 đồng tiền gốc và 47.499.722 đồng tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn) và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định của hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự.

[4] Về các tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ:

HĐXX thấy: Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà Trần Thị Ánh T và Ngân hàng NN &PTNT Việt Nam – Chi nhánh Hướng Hóa đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 191267321/HĐTC ngày 29/06/2017 gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa số 152, tờ bản đồ số 03 tại Thôn R xã X, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 832609 do Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 29/5/2013 cho bà Trần Thị Ánh T và tài sản trên đất là: Nhà và các công trình gắn liền với đất. Tài sản thế chấp nói trên thuộc quyền sở hữu của bà T, ngày 29/6/2017 bà Trần Thị Ánh T dùng toàn bộ tài sản trên để thế chấp bảo lãnh vay vốn tại Ngân hàng NN &PTNT Việt Nam – Chi nhánh Hướng Hóa để đảm bảo trả nợ cho bên B tại hợp đồng cấp tín dụng số: 3907 – LAV -201701680 ngày 29/6/2017 được ký giữa hai bên (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và phát sinh chi phí khác liên quan nếu có). Xét thấy, Hợp đồng thế chấp bất động sản được các bên tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và đã được công chứng nên hợp đồng thế chấp tài sản phát sinh hiệu lực pháp luật. Vì vậy, bà Trần Thị Ánh T phải thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 299, khoản 6 Điều 320, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự. Bà Trần Thị Ánh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ vay là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147; Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị đơn bà Trần Thị Ánh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 15.124.986 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.338.700 đồng.

Về tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Trần Thị Ánh T phải chịu tiền 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh Hướng Hóa Quảng Trị không phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Buộc bà Trần Thị Ánh T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh Hướng Hóa Quảng Trị số tiền 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, khoản 2 Điều 299, Khoản 7 Điều 323, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng ;khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam buộc bị đơn bà Trần Thị Ánh T phải trả cho Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam – Chi nhánh Hướng Hóa số tiền còn nợ tính đến ngày 21/11/2019 là: 302.499.722 đồng (ba trăm lẻ hai triệu bốn trăm chín chín ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng)(Trong đó: Nợ gốc là 255.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 47.499.722 đồng). Số nợ trên phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 3907-LAV-201701680 ngày 29/6/2017.

Kể từ ngày 22/11/2019 bà Trần Thị Ánh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Trần Thị Ánh T không trả nợ, thì Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam – Chi nhánh Hướng Hóa có quyền yêu cầu thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 191267321/HĐTC ngày 29/06/2017 gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa số 152, tờ

bản đồ số 03 tại Thôn R xã X, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 832609 do Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 29/5/2013 cho bà Trần Thị Ánh T và tài sản trên đất là: Nhà và các công trình gắn liền với đất. Tài sản thế chấp nói trên thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị Ánh T theo hợp đồng thế chấp số: 191267321/HĐTC ký kết ngày 29/6/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Bị đơn bà Trần Thị Ánh T phải nộp 15.124.986 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh Hướng Hóa, Quảng Trị số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 7.338.700 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001599 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Bà Trần Thị Ánh T hoàn trả cho trả cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh Hướng Hóa số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Q.Trị;
- VKSND huyện H.Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện H.Hóa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Phương